



## **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2010**

### **I. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.**

#### **1. Thành lập:**

Công ty cổ phần Viễn Liên được thành lập theo giấy phép số 223/GP-UB ngày 02/03/1993 do UBND thành phố Hồ Chí Minh cấp. Vốn góp cổ phần chủ yếu là của CBCNV Bưu Điện thành phố Hồ Chí Minh và CBCNV các đơn vị trong ngành Bưu chính – Viễn thông.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận kinh doanh số 059051 do Sở kế hoạch và đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 05/03/1993. Vốn Điều lệ đến ngày 31/03/2010 là 47.439.330.000 đồng.

#### **2. Ngành nghề kinh doanh:**

- Nhập khẩu, kinh doanh tổng đài điện thoại, máy Fax, điện thoại, Cordless;
- Tư vấn, thiết kế, xây lắp, cung cấp thiết bị, vật tư các công trình viễn thông – tin học;
- Bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị viễn thông – tin học, mạng hàm công cấp, trạm BTS, mạng ngoại vi viễn thông;
- Kinh doanh bất động sản.

#### **3. Niêm yết:**

Công ty được giao dịch cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh theo Giấy phép niêm yết số 47/UBCK-GPNY do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp ngày 30/05/2006. Do không đủ vốn điều lệ theo quy định, đến ngày 27/05/2009 chuyển niêm yết sang Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Giấy chứng nhận đăng ký niêm yết số 12/GCN-TTGDHN ngày 21/05/2009.

- Loại cổ phiếu niêm yết: Cổ phiếu phổ thông
- Mã chứng khoán : UNI
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Tổng khối lượng cổ phiếu niêm yết: 4.743.933 cổ phiếu
- Tổng giá trị niêm yết: 47.439.330.000 đồng
- Ngày giao dịch cổ phiếu đầu tiên : 03/07/2006

#### **4. Định hướng phát triển của Công ty trong năm 2010:**

##### **a. Chiến lược phát triển Công ty đến năm 2015 :**

- **Vốn điều lệ** : tối thiểu 500 tỷ đồng
- **Vốn chủ sở hữu** : tối thiểu 1.000 tỷ đồng
- **Thị trường/thị phần** : Nhà cung cấp giải pháp, dịch vụ tốt nhất cho mạng viễn thông băng rộng, sở hữu ít nhất quỹ đất sạch 200 Ha để kinh doanh bất động sản du lịch tại Phú Quốc, Bà Rịa Vũng tàu, Đà Lạt, ...

**b. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2010:**

- Doanh thu : 180.000.000.000 đồng
- Lợi nhuận sau thuế : 23.000.000.000 đồng
- Tỷ lệ trả cổ tức : 15%/năm/vốn điều lệ
- Thu nhập bình quân : 5.000.000 đồng/người/tháng

**c. Kế hoạch đầu tư năm 2010:**

**Khu dân cư và biệt thự biển cao cấp tại xã Hàm Ninh, huyện Phú Quốc :**



**Bản đồ quy hoạch chi tiết 1/500 đã duyệt**

• **Tổng mức đầu tư của dự án :**

STT	Diễn giải	Đơn vị tính	Thành tiền
1	+ Tiền đất (đền bù, giải tỏa)  + Xây dựng cơ sở hạ tầng (san lấp mặt bằng, điện, nước, viễn thông, truyền hình, đường giao thông ...)	Đồng	64.562.049.590
2	Tiền lãi trái phiếu chuyển đổi trong 02 năm	Đồng	10.000.000.000

**Tổng cộng :**

**74.562.049.590**

• **Tiến trình huy động vốn đầu tư :**

Tiến trình huy động vốn đầu tư phù hợp với tiến độ thực hiện của dự án. Dự kiến thời gian thực hiện của dự án đầu tư là 24 tháng (Từ tháng 01/2010 đến tháng 12/2011), nguồn vốn đầu tư lấy từ việc phát hành trái phiếu chuyển đổi (50 tỷ đồng) lãi suất 10% năm và nguồn vốn tự có của Công ty (khoảng 20 tỷ đồng).

• **Thuế thu nhập doanh nghiệp :**

Công ty sẽ thành lập chi nhánh tại Phú Quốc hạch toán độc lập và mở sàn giao dịch bất động sản nhằm khai thác dự án đồng thời nhận ưu đãi của Nhà Nước khi đầu tư vào Hải đảo, cụ thể :

- 4 năm đầu của dự án : 0%
- 9 năm kế tiếp của dự án : 5%
- Các năm còn lại tiếp theo của dự án : 10%

- **Sản phẩm Dự án :**

Sản phẩm thứ cấp của dự án là số lượng đất ở thổ cư được cấp sổ đỏ tính bằng m2 bao gồm nền đất Biệt thự, đất xây dựng cao ốc căn hộ – văn phòng, đất thương mại dịch vụ – giải trí.

Sản phẩm giá trị gia tăng của dự án là Biệt thự xây thô đồng bộ và các cao ốc căn hộ tối thiểu 15 tầng, Trung tâm thương mại – giải trí tối thiểu 5 tầng.

<b>STT</b>	<b>Diễn giải</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Tầng cao</b>	<b>Diện tích m2</b>
1	Nền đất Biệt thự	171 nền	3	48.665
2	Khu xây dựng cao ốc căn hộ – văn phòng	2	>= 15	17.723
3	Khu xây dựng thương mại – giải trí	1	>= 5	5.731
<b>Tổng cộng :</b>				<b>72.119</b>

- **Khái toán doanh thu – chi phí – lãi/lỗ :**

<b>Năm</b>	<b>0</b>	<b>1</b> Giá bán 3 triệu đồng/m2	<b>2</b> Giá bán 4 triệu đồng/m2	<b>3</b> Giá bán 5 triệu đồng/m2
Doanh thu bán 24.000 m2	Năm xây dựng	72.000.000.000	96.000.000.000	120.000.000.000
Giá vốn hàng bán (1.033.875 đồng/m2)		24.813.000.000	24.813.000.000	24.813.000.000
Lãi gộp		47.187.000.000	71.187.000.000	95.187.000.000
Chi phí quản lý và bán hàng (dự kiến 5%/doanh thu)		3.600.000.000	4.800.000.000	6.000.000.000
Lợi nhuận trước thuế		43.587.000.000	66.387.000.000	89.187.000.000
Thuế TNDN (*)		-	-	-
Lợi nhuận sau thuế		43.587.000.000	66.387.000.000	89.187.000.000
Lợi nhuận sau thuế /doanh thu (ROS)		60,54%	69,15%	74,32%
Lợi nhuận sau thuế/vốn đầu tư (ROE)		58,46%	89,04%	119,61%

(\*) Chi nhánh Công ty được miễn thuế TNDN trong bốn năm đầu.

- **Khái toán NPV, IRR**

<b>STT</b>	<b>Vốn đầu tư</b>	<b>Doanh thu năm 1</b>	<b>Doanh thu năm 2</b>	<b>Doanh thu năm 3</b>
	(*) (64.562.049.590)	72.000.000.000	96.000.000.000	120.000.000.000
Trừ Chi phí		3.600.000.000	4.800.000.000	6.000.000.000
Dòng tiền ròng	(64.562.049.590)	68.400.000.000	91.200.000.000	114.000.000.000
NPV	150.356.408.865			

Đơn vị tính: đồng

IRR	111,9%
-----	--------

(\*) Chưa tính chi phí lãi vay

✓ NPV của dự án với suất chiết khấu 8% hoạt động trong 03 năm là:  
169.749.696.546 đồng > 0;

Lãi suất chiết khấu WACC= (15 tỷ \*18%/65 tỷ) + (50 tỷ \*10%/65 tỷ)=12%

✓ IRR = 111,90%;

✓ Thời gian thu hồi vốn 01 năm.

#### d. Về tài chính:

Sử dụng hiệu quả nguồn vốn tự có và hạn chế vay ngân hàng, chào bán và sử dụng hiệu quả nguồn vốn từ đợt phát hành trái phiếu chuyển đổi trong năm 2010.

#### e. Về tổ chức:

- Tăng cường công tác điều hành sản xuất, cơ cấu lại bộ máy quản lý Công ty theo hướng phân cấp, tự chủ, tự chịu trách nhiệm. Duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001 - 2000.

- Xây dựng và hoàn thiện các quy chế quản lý. Xây dựng văn hóa doanh nghiệp đảm bảo hài hòa lợi ích tập thể và lợi ích cá nhân vì mục tiêu chung là phát triển Công ty một cách bền vững.

- Tuyển dụng, đào tạo và đào tạo lại cán bộ quản lý và công nhân có trình độ tay nghề đáp ứng yêu cầu phát triển của công ty hiện tại và trong tương lai.

## II. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

### 1. Các chỉ tiêu tài chính:

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	NĂM 2008	NĂM 2009
Cơ cấu tài sản				
1	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	3,43	22,35
	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản		96,57	77,65
Cơ cấu nguồn vốn				
2	- Nợ phải trả /Tổng tài sản	%	21,73	19,78
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản		78,27	80,22
Khả năng thanh toán				
3	- Khả năng thanh toán nhanh	Lần	2,8	4,39
	- Khả năng thanh toán hiện hành		4,6	5,06
Tỷ suất lợi nhuận				
4	- Tỷ suất Lợi nhuận TT/ Tổng tài sản		1,47	17,90
	- Tỷ suất Lợi nhuận ST/ Doanh thu thuần	%	1,96	19,14

- Tỷ suất Lợi nhuận ST/Nguồn vốn CSH	1,65	18,13
- Tỷ suất Lợi nhuận ST/Vốn điều lệ	2,91	37,42

## 2. Những tiến bộ Công ty đã đạt được về công tác quản lý:

Hội đồng quản trị cùng Ban Tổng Giám đốc đã tiến hành tổ chức sắp xếp lại bộ máy quản lý điều hành phù hợp với việc phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty.

Nhiều năm liền Công ty được xếp hạng tín dụng tối ưu AAA, đặc biệt năm 2008 Công ty được Trung tâm Thông tin tín dụng của Ngân hàng Nhà nước (CIC) bình chọn là 1 trong 20 Doanh nghiệp tiêu biểu trên Thị trường chứng khoán.

## III. BÁO CÁO TÀI CHÍNH năm 2009 đã kiểm toán

### 1. Bảng cân đối kế toán :

### BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>117,900,158,389</b>	<b>83,078,599,255</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>51,865,981,793</b>	<b>7,077,078,562</b>
1. Tiền	111		18,865,981,793	7,077,078,562
2. Các khoản tương đương tiền	112		33,000,000,000	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>4,000,000,000</b>	<b>-</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	4,000,000,000	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>47,662,088,341</b>	<b>56,226,908,082</b>
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	40,986,016,793	21,328,865,042
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	5,623,971,750	481,640,240
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.5	1,159,336,598	34,523,639,600
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(107,236,800)	(107,236,800)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>11,857,113,530</b>	<b>17,945,610,082</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.6	11,857,113,530	17,945,610,082

2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	-	-
<b>V.</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>	<b>2,514,974,725</b>	<b>1,829,002,529</b>
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	-	-
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	935,094,884	-
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	-	912,904,189
4.	Tài sản ngắn hạn khác	158	V.7 1,579,879,841	916,098,340
<b>B -</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>	<b>4,189,575,369</b>	<b>23,908,383,606</b>
<b>I.</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211	-	-
2.	Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212	-	-
3.	Phải thu dài hạn nội bộ	213	-	-
4.	Phải thu dài hạn khác	218	-	-
5.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	-	-
<b>II.</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>	<b>2,246,048,607</b>	<b>4,569,909,418</b>
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.8 1,254,664,299	3,946,031,710
	<i>Nguyên giá</i>	222	2,420,453,352	4,978,319,272
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223	(1,165,789,053)	(1,032,287,562)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224	-	-
	<i>Nguyên giá</i>	225	-	-
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226	-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	-	-
	<i>Nguyên giá</i>	228	-	-
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229	-	-
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.9 991,384,308	623,877,708
<b>III.</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
	<i>Nguyên giá</i>	241	-	-
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242	-	-
<b>IV.</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>1,912,600,000</b>	<b>19,202,580,000</b>
1.	Đầu tư vào công ty con	251	-	-

2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3.	Đầu tư dài hạn khác	258	V.10	1,912,600,000	26,549,600,000
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	(7,347,020,000)
<b>V.</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>30,926,762</b>	<b>135,894,188</b>
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	30,926,762	135,894,188
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.12	-	-
3.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b><u>122,089,733,758</u></b>	<b><u>106,986,982,861</u></b>

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A -</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>24,145,911,453</b>	<b>23,250,612,063</b>
<b>I.</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>24,145,911,453</b>	<b>23,250,612,063</b>
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2.	Phải trả người bán	312	V.13	11,987,119,119	14,931,050,921
3.	Người mua trả tiền trước	313	V.14	4,246,331,098	7,046,217,632
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.15	3,686,325,884	771,609,333
5.	Phải trả người lao động	315	V.16	1,595,432,800	184,493,900
6.	Chi phí phải trả	316	V.17	2,311,806,995	45,000,000
7.	Phải trả nội bộ	317		-	-
8.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	318,895,557	272,240,277
10.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
<b>II.</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1.	Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2.	Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3.	Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4.	Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7.	Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-

			-	-
<b>B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>97,943,822,305</b>	<b>83,736,370,798</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>97,924,372,305</b>	<b>83,706,370,798</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.19	47,439,330,000	47,439,330,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.19	30,641,500,000	30,721,500,000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414	V.19	(6,051,840,000)	(3,764,731,000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.19	6,091,336,352	6,091,336,352
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.19	672,587,253	1,840,725,502
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.19	19,131,458,700	1,378,209,944
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>19,450,000</b>	<b>30,000,000</b>
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431	V.20	19,450,000	30,000,000
2. Nguồn kinh phí	432		-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>122,089,733,758</b>	<b>106,986,982,861</b>

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

**Bảng cân đối kế toán** (tiếp theo)

### CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh		
		Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-



5.	Ngoại tệ các loại	-	-
6.	Dự toán chi sự nghiệp, dự án	-	-

## 2. Báo cáo kết quả kinh doanh :

Diễn giải	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	92,805,558,030	70,138,237,847
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	74,800,000	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	92,730,758,030	70,138,237,847
Giá vốn hàng bán	11	VI.2	80,923,357,604	59,509,269,249
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		11,807,400,426	10,628,968,598
Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	10,015,287,078	4,634,752,916
Chi phí tài chính	22	VI.4	475,339,377	7,391,028,320
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	12,175,397
Chi phí bán hàng	24	VI.5	3,870,678,505	4,865,195,518
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	1,654,818,318	1,466,732,221
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		15,821,851,304	1,540,765,455
Thu nhập khác	31	VI.7	8,230,194,144	310,544,564
Chi phí khác	32	VI.8	2,203,411,783	281,526,665
Lợi nhuận khác	40		6,026,782,361	29,017,899
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		21,848,633,665	1,569,783,354
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.15	4,095,384,909	191,573,410
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.9	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		17,753,248,756	1,378,209,944

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

70 VI.10

4,214342**3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ :**

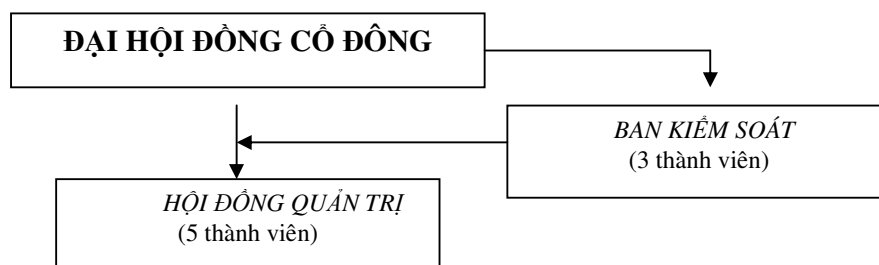
Đơn vị tính: VND

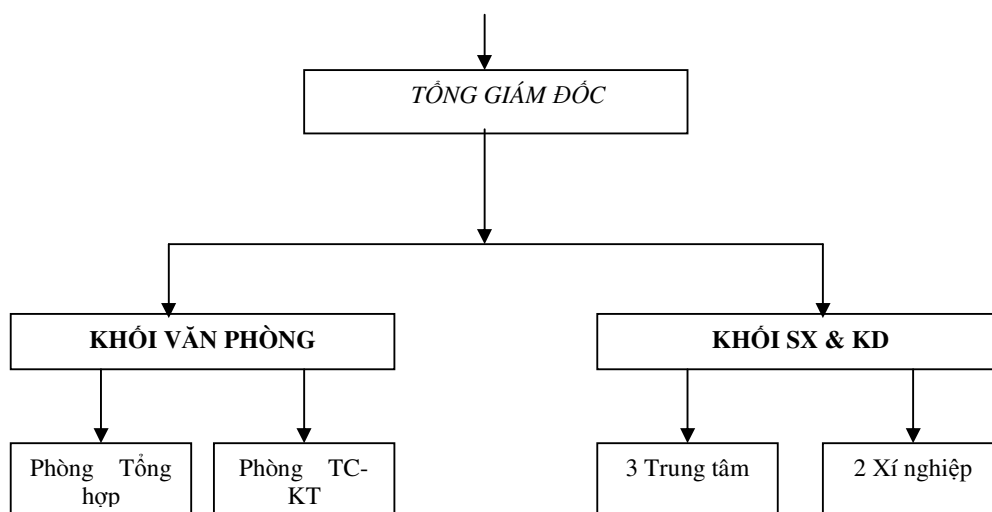
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>21,848,633,665</b>	<b>1,569,783,354</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.8	515,228,355	398,436,562
- Các khoản dự phòng	03		(2,624,270,000)	7,347,020,000
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(9,470,677,790)	(4,678,563,446)
- Chi phí lãi vay	06		-	12,175,397
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>10,268,914,230</b>	<b>4,648,851,867</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		16,042,483,909	(10,572,292,660)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		6,088,496,552	(4,821,394,496)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(3,287,356,719)	(23,334,168,572)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		104,967,426	(53,298,277)
- Tiền lãi vay đã trả	13		-	(12,175,397)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.15	-	(1,770,142,193)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	1,895,050,000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(1,178,688,249)	(2,352,361,190)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>28,038,817,149</b>	<b>(36,371,930,918)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.8; 9	(357,506,600)	(1,963,649,834)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	272,727,273
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của				

đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		35,914,250,000	(22,260,000,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		(20,000,000,000)	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3	3,483,180,482	4,616,520,336
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>19,039,923,882</b>	<b>(19,334,402,225)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	61,243,000,000
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	V.19	(2,287,109,000)	(3,589,371,000)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	(608,000,000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2,728,800)	(731,034,800)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(2,289,837,800)</b>	<b>56,314,594,200</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>44,788,903,231</b>	<b>608,261,057</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>7,077,078,562</b>	<b>6,468,817,505</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>51,865,981,793</b>	<b>7,077,078,562</b>
			-	-

#### IV. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

##### 1. Cơ cấu tổ chức của Công ty:





**a. Khối văn phòng : Phòng Tài chính kế toán, Phòng Tổng hợp**

**b. Khối sản xuất và kinh doanh :**

- + Trung tâm kinh doanh thiết bị viễn thông – tin học
- + Trung tâm kinh doanh cáp & vật liệu viễn thông
- + Trung tâm công nghệ viễn thông
- + Xí nghiệp Tư vấn thiết kế
- + Xí nghiệp Xây lắp

**2. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động:**

**a. Số lượng cán bộ, nhân viên trong Công ty:** Tính đến thời điểm 31/03/2010, tổng số lao động của Công ty là: 100 người. Trong đó: Lao động gián tiếp là: 12 người; Lao động trực tiếp là: 88 người.

**b. Chính sách đối với người lao động:**

**\* Chính sách đào tạo:**

Công ty chú trọng việc đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt là về kỹ năng nghiệp vụ; Tạo điều kiện cho cán bộ công nhân viên tham gia các lớp học bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, tham gia các khóa học về ngoại ngữ, tin học, quản lý kinh tế, quản trị doanh nghiệp hiện đại, các chế độ, chính sách của nhà nước..... Những cán bộ công nhân viên được cử đi học được Công ty thanh toán chi phí học tập và được hưởng lương theo kết quả học tập.

**\* Chính sách tiền lương:**

Công ty xây dựng quy chế về trả lương và phân phối tiền thưởng áp dụng thống nhất trong Công ty. Tiền lương được phân phối theo nguyên tắc công khai và dân chủ, đảm bảo sự công bằng và hợp lý giữa các chức danh trong Công ty.

**\* Chính sách thưởng:**

Nhằm khuyến khích động viên cán bộ, công nhân viên trong Công ty tăng năng suất và chất lượng công việc, Công ty đưa ra chính sách thưởng hàng kỳ, thưởng đột xuất cho cá nhân và tập thể. Việc xét thưởng căn cứ vào thành tích của cá nhân hoặc tập thể trong việc thực hiện tiết kiệm, sáng kiến cải tiến về kỹ thuật, về phương pháp tổ chức kinh doanh, tìm kiếm

khách hàng mới, thị trường mới, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, đạt hiệu quả cao trong kinh doanh.

\* **Các chế độ chính sách khác đối với người lao động:**

Công ty luôn thực hiện tốt các chế độ chính sách về tiền lương, Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế cho người lao động theo Luật lao động, Nội quy lao động và Thỏa ước lao động tập thể... Lãnh đạo Công ty cùng Ban chấp hành Công đoàn thường xuyên tổ chức thăm hỏi, động viên, trợ cấp, tặng quà cho gia đình CBCNV khi gặp khó khăn, hoạn nạn, hoặc hiếu hỷ. Các ngày Trung thu, ngày 1-6, ngày lễ, tết Công ty còn tặng quà cho con em CBCNV.

Ngoài việc được khám sức khỏe định kỳ, người lao động trong Công ty còn được hưởng nhiều đãi ngộ dưới các hình thức như du lịch, nghỉ mát, trợ cấp khi thai sản, ốm đau....

## **V. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY**

### **1. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát**

▪ **Hội đồng quản trị :**

- Ông Phạm Đình Dũng	Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Ông Huỳnh Công Nhân	Ủy viên Hội đồng quản trị
- Ông Hoàng Văn Quyền	Ủy viên Hội đồng quản trị
- Ông Phạm Hữu Xuân	Ủy viên Hội đồng quản trị
- Ông Phạm Ngọc Cầu	Ủy viên Hội đồng quản trị

▪ **Ban kiểm soát :**

- Bà Phan Thị Phụng	Trưởng Ban kiểm soát
- Ông Nguyễn Minh Tiến	Ủy viên Ban kiểm soát
- Bà Võ Hồng Hạnh	Ủy viên Ban kiểm soát

### **2. Lý lịch trích ngang của Hội đồng quản trị :**

**a. Ông Phạm Đình Dũng**

- Họ và tên : Phạm Đình Dũng
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 15/05/1968
- Nơi sinh : Sài Gòn
- Quốc tịch : Việt Nam CMND : 022227271
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : 65 đường số 5 C/X Chu Văn An, Phường 26, Quận Bình Thạnh
- Số điện thoại liên lạc : 0913 844 000
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Toán Kinh tế, Thạc sĩ QTKD.

Quá trình công tác:

- 1992 - 1998 : Kỹ sư lập trình Tổng đài – Bưu điện TP. HCM

- 1999 - 2002 : Kế toán tổng hợp, quản trị mạng WAN – Bưu Điện TP.HCM
- 2003 - 2004 : Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Viễn Liên
- 2004 - nay : Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Viễn Liên kể từ ngày 15 tháng 05 năm 2004 đến nay.

*Chức vụ công tác hiện nay:*

- Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị
- Tổng Giám đốc Công Ty Cổ phần Viễn Liên.

*Cổ phần nắm giữ:* 195.775 cổ phần, chiếm 4.127% vốn điều lệ.

*Những người có liên quan:*

- Vợ: Nguyễn Thị Phương Thùy
- Số cổ phần nắm giữ: 119.389 cổ phần, chiếm 1.517% vốn điều lệ.

*Hành vi vi phạm pháp luật:* Không

*Các khoản nợ với Công ty:* Không

*Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích với Công ty:* Không

#### **b. Ông Phạm Hữu Xuân**

- Họ và tên : Phạm Hữu Xuân
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 16/01/1946
- Nơi sinh : Sóc Sơn, Hà Nội
- Quốc tịch : Việt Nam CMND : 011997508
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : Số 8 Nguyễn Văn Ngọc, Thành phố Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc : 091 3201 465
- Trình độ văn hoá : 10/10
- Trình độ chuyên môn: Đại học Bách Khoa Hà Nội

*Quá trình công tác:*

- 1963 – 1965 : Đi học chuyên nghiệp.
- 1965 – 1973 : Công tác tại Bưu điện tỉnh Vĩnh Phú (nay là Phú Thọ và Vĩnh Phú).
- 1973 – 1976 : Công tác Chuyên gia cho Lào.
- 1976 – 1979 : Công tác tại Bưu Điện Vĩnh Phú.
- 1979 – Nay : Công tác tại Bưu điện Hà Nội.

*Chức vụ công tác hiện nay:*

- Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây lắp Bưu Điện Hà Nội.
- Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Viễn Liên từ năm 2002 cho đến nay.

*Cổ phần nắm giữ:* 10.400 cổ phần, **chiếm 0.219% vốn điều lệ**

*Số cổ phần của những người có liên quan:* Không

*Hành vi vi phạm pháp luật :* Không

*Các khoản nợ với Công ty:* Không

*Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty:* Không

#### **c. Ông Phạm Ngọc Cầu**

- **Họ và tên** : Phạm Ngọc Cầu
- **Giới tính** : Nam
- **Ngày sinh** : 17/9/1963
- **Nơi sinh** : An Nhơn, Bình Định
- **Quốc tịch** : Việt Nam CMND : 022644819
- **Dân tộc** : Kinh
- **Địa chỉ thường trú** : 162/21 Điện Biên Phủ, P17, Q Bình Thạnh, TP.HCM
- **Số điện thoại liên lạc:** 0913870769
- **Trình độ văn hoá** : 12/12
- **Trình độ chuyên môn** : Đại học Bách Khoa Hà Nội

*Quá trình công tác:*

- 1986 – 2005 : Công ty Cổ phần Cáp và vật liệu viễn thông SACOM
- 2005 - nay : Tổng Giám đốc Công ty CP Cáp Sài Gòn

*Chức vụ công tác hiện nay:*

- Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cáp Sài Gòn
- Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Viễn Liên

*Cổ phần nắm giữ:* 6.032 cổ phần, **chiếm 0.127% vốn điều lệ**

*Những người có liên quan:*

- **Vợ** : Nguyễn Thị Xinh
- **Số cổ phần nắm giữ:** 9.680 cổ phần, **chiếm 0.204% vốn điều lệ.**

*Hành vi vi phạm pháp luật:* Không

*Các khoản nợ với Công ty:* Không

*Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty:* Không

#### **d. Ông Hoàng Văn Quyền**

- **Họ và tên** : Hoàng Văn Quyền
- **Giới tính** : Nam
- **Ngày sinh** : 15-02-1945
- **Nơi sinh** : Campuchia
- **Quốc tịch** : Việt Nam CMND : 020083639
- **Dân tộc** : Kinh

- Địa chỉ thường trú : 73B Cách Mạng Tháng Tám, phường 6, quận Tân Bình
- Số điện thoại liên lạc : 8652255
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư kinh tế , Bưu điện

*Quá trình công tác:*

- 1974– 1975 : Kế toán trưởng ban thông tin R .
- 1975 –1977 : Phó phòng kế toán, Tổng Cục B2 .
- 1978 - 1987 : Phó phòng kế toán trưởng Bưu Điện TPHCM
- 1987 - 1999 : Kế toán trưởng kiêm trưởng phòng KTTK BĐTP.
- 1999 - 2006 : Phó giám đốc BDTP HCM.
- Tháng 6/2006 : Nghỉ hưu theo chế độ

*Chức vụ công tác hiện nay:*

- Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Viễn Liên

*Cổ phần nắm giữ:* 13.334 cổ phần, **chiếm 0.281% vốn điều lệ**

*Những người có liên quan:*

- Vợ : Nguyễn Thị Nữ
- Số cổ phần nắm giữ: 374 cổ phần, chiếm 0.008% vốn điều lệ.

*Hành vi vi phạm pháp luật :* Không

*Các khoản nợ với Công ty:* Không

*Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty:* Không.

**e. Ông Huỳnh Công Nhân**

- Họ và tên : Huỳnh Công Nhân
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 05-12-1965
- Nơi sinh : TP. Hồ Chí Minh
- Quốc tịch : Việt Nam CMND : 021723942
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : 166/41 Thích Quảng Đức, phường 04, quận Phú Nhuận
- Số điện thoại liên lạc : 0907308582
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Xuất nhập khẩu, Nông Lâm nghiệp, Hóa vật liệu ứng dụng

*Quá trình công tác:*

- 1989– 1990 : Nghiên cứu viên cơ sở hóa dược Tiến sĩ Nguyễn Mạnh Hùng



- 1990 –1991 : Chủ nhiệm nhà máy nước đá 18 Bến Hàm Tử, quận 5, TP. Hồ Chí Minh
- 1992 - 2003 : Giám đốc Công ty TNHH Trường Long
- Từ 1995 đến nay : Giám đốc công ty TNHH Khang Ninh
- Từ 2007 đến nay : Giám đốc công ty TNHH Mất Đá

*Chức vụ công tác hiện nay:*

- Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Viễn Liên
- Giám đốc công ty TNHH Mất Đá

*Cổ phần nắm giữ: 31 cổ phần, chiếm 0,001% vốn điều lệ*

*Những người có liên quan: Không*

*Hành vi vi phạm pháp luật : Không*

*Các khoản nợ với Công ty: Không*

*Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không*

### **3. Lý lịch trích ngang của Ban giám đốc**

#### **a. Ông Phạm Đình Dũng (Xem chi tiết phần HĐQT)**

#### **b. Bà Nguyễn Thanh Phi**

- Họ và tên : Nguyễn Thanh Phi
- Giới tính : Nữ
- Ngày sinh : 20/12/1979
- Nơi sinh : Hậu Giang
- Quốc tịch : Việt Nam CMND : 024291230
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : 40/75 Trần Quang Diệu, Phường 14, Quận 3, Tp. HCM
- Số điện thoại liên lạc : 08 – 8467084
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế - Ngành Tài chính Kế toán

*Quá trình công tác:*

- 2001 – 4/2005 : Kế toán tổng hợp Công ty TNHH Nhân Long
- 5/2005 – 6/2005 : Kế toán tổng hợp Công ty cổ phần Viễn Liên
- 7/2005 – 5/2007 : Kế toán phó Công ty Cổ phần Viễn Liên
- 7/2007 đến nay : Kế toán trưởng Công ty cổ phần Viễn Liên

*Chức vụ công tác hiện nay: Kế toán trưởng Công ty Cổ Phần Viễn Liên*

*Cổ phần nắm giữ: 3.014 cổ phần, chiếm 0,064% vốn điều lệ*

*Những người có liên quan: Không*

*Hành vi vi phạm pháp luật : Không*

*Các khoản nợ với Công ty: Không*

*Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không*

#### **4. Lý lịch trích ngang của Ban Kiểm soát**

##### **a. Bà Phan Thị Phụng**

- Họ và tên : Phan Thị Phụng
- Giới tính : Nữ
- Ngày sinh : 29/07/1952
- Nơi sinh : Đà Lạt
- Quốc tịch : Việt Nam CMND : 020028412
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : 01, Trần Cao Vân, Phường 12, Quận PN ,Tp. HCM
- Số điện thoại liên lạc : 08-8423264; 0903944485
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử Nhân Kinh tế

*Quá trình công tác:*

- 1979 – 1986 : Tổ Trưởng tổ Kế toán Phòng Vật tư Bưu Điện.
- 1986 – 1990 : Phó phòng Tài chính kế toán Công ty Vật tư Bưu Điện
- 1990 – Nay : Kế toán trưởng Công ty Vật tư Bưu điện TP.HCM

*Chức vụ công tác hiện nay:*

- Trưởng phòng kế toán Công ty Vật tư Bưu điện TP.HCM
- Trưởng ban Kiểm soát viên Công ty cổ phần Viễn Liên.

*Cổ phần nắm giữ: 2.451 cổ phần, chiếm 0.052% vốn điều lệ*

*Những người có liên quan: Không*

*Hành vi vi phạm pháp luật : Không*

*Các khoản nợ với Công ty: Không*

*Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không*

##### **b. Ông Nguyễn Minh Tiến**

- Họ và tên : Nguyễn Minh Tiến
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 23/10/1965
- Nơi sinh : TP. Hồ Chí Minh
- Quốc tịch : Việt Nam CMND : 021727148
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : 498/1/20A Lê Quang Định, phường 1, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh
- Số điện thoại liên lạc : 0913735835
- Trình độ văn hoá : 12/12

- Trình độ chuyên môn: Cử Nhân Kinh tế - chuyên ngành tài chính

*Quá trình công tác:*

- 1988 – 1989 : Cán bộ phòng Tài chính, quận Phú Nhuận
- 1989 – 1997 : Cán bộ phòng Tài chính Kế toán Bưu Điện TP. Hồ Chí Minh
- 1997 – Nay : Kế toán kiêm Trưởng phòng Tài chính, Kế toán, Thống kê Công ty tin học Bưu điện trực thuộc Bưu điện TP. Hồ Chí Minh (Nay là Viễn thông TP. Hồ Chí Minh)

*Chức vụ công tác hiện nay:*

- Trưởng phòng Tài chính, Kế toán, Thống kê Công ty tin học Bưu điện trực thuộc Bưu điện TP. Hồ Chí Minh
- Kiểm soát viên Công ty Cổ phần Viễn Liên.

*Cổ phần nắm giữ:* 1.012 cổ phần, chiếm 0,012% vốn điều lệ

*Những người có liên quan:* Không

*Hành vi vi phạm pháp luật :* Không

*Các khoản nợ với Công ty:* Không

*Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty:* Không

### **c. Bà Võ Hồng Hạnh**

- Họ và tên : Võ Hồng Hạnh
- Giới tính : Nữ
- Ngày sinh : 07/01/1968
- Nơi sinh : Hà Nội
- Quốc tịch : Việt Nam CMND : 022070611
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : 120A/10 Huỳnh Văn Bánh, Phường 12, quận Phú Nhuận TP. Hồ Chí Minh
- Số điện thoại liên lạc : 0918208027
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử Nhân Kinh tế

*Quá trình công tác:*

- 1991 – 1992 : Phòng kinh doanh, phòng thống kê Công ty Điện Lực 2
- 1992 – 1995 : Phòng kế hoạch Nhà máy điện Thủ Đức
- 1995 – 2001 : Phòng Tổng hợp Ban quản lý dự án các Nhà máy điện Phú Mỹ - Bà Rịa
- 2001 – 2003 : Phòng tổ chức – hành chánh Nhà máy điện Phú Mỹ
- 2003 – 2004 : Bộ phận đối ngoại Informatic Si Việt.

- 2004 – 2006 : Phòng tổ chức hợp tác Quốc tế, trường Đại học bán công Marketing, Hội Marketing Việt Nam.
- 2006 đến 2010 : Công ty Sài Gòn Truyền Thông (Sài Gòn Truyền thông (Saigon Media- SGTT)
- Năm 2010 đến nay : Nam Minh Long Group

*Chức vụ công tác hiện nay:*

- Giám đốc marketing – Tập đoàn Nam Minh Long
- Kiểm soát viên Công ty Cổ phần Viễn Liên.

*Cổ phần nắm giữ: không cổ phần*

*Những người có liên quan:*

- Chồng: Nguyễn Nhơn Tuấn

Số cổ phần nắm giữ: 22 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

*Hành vi vi phạm pháp luật : Không*

*Các khoản nợ với Công ty: Không*

*Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không*

#### 5. Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và ban kiểm soát:

- Hoạt động của Hội đồng quản trị: Theo quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 29/04/2008.

- Hoạt động của Ban kiểm soát: Kiểm tra, kiểm soát toàn bộ hoạt động của Công ty, đảm bảo mọi hoạt động của Công ty luôn tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và mục tiêu chiến lược đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, góp phần để sản xuất kinh doanh của Công ty luôn đạt hiệu quả cao và tài chính luôn lành mạnh.

- Thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát: được tính trên thu nhập bình quân của cán bộ công nhân viên, thông qua Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm để xác định mức trích lập thù lao. Tổng số thù lao của HĐQT và BKS được phân bổ cho từng thành viên theo hệ số : Chủ tịch hệ số 2.0, thành viên HĐQT 1.5, trưởng Ban kiểm soát hệ số 1.5, thành viên BKS hệ số 1.0.

#### 6. Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của cổ đông lớn, cổ đông nội bộ và những người có liên quan:

- **Cổ đông lớn:** Không có
- **Cổ đông nội bộ và những người có liên quan :** (xem chi tiết trong phần lý lịch trích ngang)

#### 7. Các dữ liệu thống kê về cổ đông (theo danh sách chốt ngày 09/03/2010) :

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	SLCP nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
I	<b>Cổ đông trong nước</b>	<b>4.470</b>	<b>4.545.570</b>	<b>95,82%</b>

1	Cá nhân	<b>4.427</b>	<b>3.794.477</b>	<b>79,99%</b>
2	Tổ chức	<b>43</b>	<b>751.093</b>	<b>15,83%</b>
<b>II</b>	<b>CỔ ĐÔNG NƯỚC NGOÀI</b>	<b>88</b>	<b>198.363</b>	<b>4,18%</b>
1	Cá nhân	84	163.341	3,44%
2	Tổ chức	4	35.022	0,74%
	<b>Tổng cộng</b>	<b>4.558</b>	<b>4.743.933</b>	<b>100%</b>

**T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**Chủ tịch**

**PHẠM ĐÌNH DŨNG**